

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
TỈNH BÌNH ĐỊNH**
Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 8 - 2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nghiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tòng;

Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Nghi, là Thư ký Tòa án huyện An Lão;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn Tân A, xã An T, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Công L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn Tân A, xã An T, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. “Có mặt nhưng bỏ về yêu cầu xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2023, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân N, trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình đồng ý cả hai đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 10 năm 2015 tại UBND xã An Tân và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi thành hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 đến 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do anh L ham mê cờ bạc, chơi bời, không làm tròn trách nhiệm với gia đình. Sau thời gian anh L đi cải tạo trong trại giam trở về thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn, thỉnh thoảng anh L còn đánh, hăm dọa cuộc sống của chị. Sau khi chị N nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L và sau phiên hòa giải ngày 07/6/2023 anh L xúc phạm đến danh dự nhân phẩm chị, có cho chị gặp con nhưng không cho chị và con ở với nhau nhiều ngày. Mặc khác, anh L còn ghen vô cớ, nghi ngờ chị N có tình cảm với người đàn ông khác, mặc dù chị N đã giải thích nhưng anh L vẫn không nghe. Từ khi chị N nộp đơn đến Tòa án giải quyết ly hôn với anh L thì giữa chị và anh L không sống chung với nhau nữa, chị và anh L sống mỗi người mỗi nhà, không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Nay chị N không còn tình cảm gì với anh L, cuộc sống hôn nhân của chị N và anh L không thể kéo dài thêm được nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về nuôi con chung: Chị N và anh L có với nhau 02 con chung tên Lê Nguyễn Huyền Th, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2016 và Lê Nguyên L1, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2019. Sau khi ly hôn, chị N nhận nuôi con Lê Nguyên L1, giao anh L nuôi con Lê Nguyễn Huyền Th đến trưởng thành. Không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con. Nếu anh L đồng ý để chị N nuôi 02 con thì chị N sẽ nhận nuôi 02 con đến trưởng thành, yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 02 con hàng tháng, mỗi tháng là 7.000.000đ/tháng/02 con đến khi 02 con tròn 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Công L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L và chị N tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Tân như lời trình bày của chị N là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là sau khi anh L đi cải tạo ở trại giam Kim Sơn về thì anh L phát hiện chị N có tình cảm với người đàn ông khác. Anh L đã nói chuyện thì chị N không thừa nhận mà đòi ly hôn với anh. Sau khi chị N gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì giữa anh và chị N không còn sống chung với nhau nữa, mỗi người ở mỗi nhà. Anh L và 02 con ở chung với nhau còn chị N thì đi sống ở đâu anh L không biết. Mặc dù chị N có tình cảm với người đàn ông khác nhưng anh L chấp nhận tha thứ, bỏ qua cho chị N, vợ chồng quay về chung sống với nhau cùng nhau chăm sóc con. Vì 02 con còn nhỏ nên anh L muốn con sống có cả cha và mẹ. Vì vậy, nay chị N yêu cầu ly hôn với anh L thì anh L không đồng ý. Nhưng nếu chị N kiên quyết ly hôn với anh L và chị N phải giao hết 02 con cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh L đồng ý ly hôn với chị N.

- Về nuôi con chung: Giữa anh L và chị N có 02 con chung tên Lê Nguyễn Huyền Th, sinh ngày 15/5/2016 và Lê Nguyên L1, sinh ngày 29/10/2019. Sau ly hôn, anh L nhận nuôi hết 02 con đến trưởng thành, không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương (nơi vợ chồng anh L, chị N sinh sống) và cha mẹ đẻ của anh L cho biết: chị N rất chịu khó làm kinh tế, làm nghề bán bảo hiểm, mức thu nhập ổn định, chăm sóc nuôi dưỡng tốt các con trong thời gian anh L đi cải tạo. Chị N là con dâu tốt trong gia đình. Còn đối với anh L bị vi phạm pháp luật nên phải đi tù ba lần, khi ra tù không quan tâm đến vợ con, không lo kinh tế trong gia đình mà còn ghen tuông vô cớ, có hành vi hăm dọa chị N nên chị N phải thuê nhà sống riêng và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Cha mẹ anh L tạo điều kiện cho anh L phụ mỗ lợn với gia đình, hàng tháng có trả tiền công cho anh là 6.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, hiện anh L không sống chung với cha mẹ mà thuê nhà ở riêng cùng 02 con của anh. Theo nhận xét của chính quyền địa phương và gia đình thì việc chị N anh L ly hôn hay không là do anh L, chị N tự quyết định. Còn về con chung nên giao cho mỗi người nuôi 01 con như vậy mới phù hợp và đảm bảo cuộc sống, học tập cho các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) từ khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng; thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án đầy đủ, xác minh tình trạng hôn nhân, con chung, mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn quy định, cấp phát các văn bản tố tụng đúng trình tự thủ tục luật định.

Hội đồng xét xử: Thành phần 01 Thẩm phán, 02 Hội thẩm đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS, nguyên tắc xét xử độc lập, tuân thủ các quy định chung về phiên tòa. Thư ký: Phổ biến nội quy phiên tòa, báo cáo sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51, 237 BLTTDS.

Nguyên đơn Chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn có mặt tại phiên tòa, tuy nhiên HĐXX xét xử đang tiến hành xét xử thì cho rằng chị N là người khởi kiện nhưng không có mặt, nên bị đơn cũng đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn, không tham dự phiên tòa mà bỏ về, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn;

- Về nuôi con chung: Giao con tên Lê Nguyễn Huyền Th cho anh L chăm sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành; Giao con tên Lê Nguyễn L1 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp. Không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con.
- Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.
- Về án phí HNGĐ: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân N và bị đơn anh Lê Công L, cùng cư trú tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Các điều kiện thụ lý như: Chủ thể, thẩm quyền đảm bảo nên Tòa án nhân dân huyện An Lão thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Xuân N có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227/BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc bỏ về yêu cầu xét xử vắng mặt của bị đơn anh Lê Công L: Anh L có mặt tại phiên tòa, tuy nhiên khi HĐXX đang tiến hành xét xử vụ án tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, sau khi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa giải thích xong quyền và nghĩa vụ của bị đơn thì bị đơn anh Lê Công L cho rằng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân N là người khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh nhưng chị N không có mặt tại phiên tòa, nên bị đơn cũng không tiếp tục tham dự phiên tòa nữa. Mặc dù HĐXX đã giải thích đầy đủ và rất kỹ quyền, nghĩa vụ cho bị đơn, nhưng bị đơn đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn, xử xong thì gửi bản án cho bị đơn biết. Sau đó bị đơn anh Lê Công L bỏ về, không tham dự phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân N và anh Lê Công L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 10 năm 2015 tại UBND xã An Tân, như vậy hôn nhân giữa anh L và chị N là hợp pháp. Sau khi thành hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 3 đến 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn, đỉnh điểm là vào tháng 4 năm 2023. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L sau khi chấp hành hình phạt tù trở về địa phương thì thường xuyên đi chơi cờ bạc, không lo làm ăn kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ, con. Anh L còn có hành vi đánh và hăm dọa đến tính mạng của chị N. Sau khi chị N nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và đặc biệt là sau phiên hòa giải ngày 07/6/2023 anh L vẫn tiếp tục hăm dọa đến tính mạng của

chị N, chị N phải nhờ lực lượng Công an thị trấn An Lão hỗ trợ thì mới về nhà được. Vì vậy mà chị N phải làm đơn xin xét xử vắng mặt, không dám đến tham dự phiên tòa vì sợ tính mạng của bản thân không được đảm bảo khi gặp anh L. Ngoài ra, anh L còn có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị N trên mạng xã hội. Việc mâu thuẫn của chị N và anh L đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Mặc dù anh L không đồng ý ly hôn với chị N nhưng có căn cứ cho rằng anh L đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân N được ly hôn với bị đơn anh Lê Công L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị N và anh L cùng khai có 02 con chung tên Lê Nguyễn Huyền Th, sinh ngày 15/5/2016 và Lê Nguyễn L1, sinh ngày 29/10/2019. Xét điều kiện, nguyện vọng của con, HĐXX nhận thấy:

[2.2.1] Anh L cho rằng hiện nay anh có mức thu nhập ổn định, hàng tháng anh L phụ mỗ lợn cho cha mẹ anh được 6.000.000 đồng. Ngoài ra anh L còn có thu nhập khác với công ty TNHH xây dựng tổng hợp An Phát bằng việc giao nộp hợp đồng lao động với Công ty TNHH XDTH An Phát mỗi tháng 15.000.000 đồng. Hợp đồng thể hiện anh L ký hợp đồng vào ngày 01/01/2023, chức danh: Thủ kho. HĐXX nhận thấy: Đối với thu nhập phụ mỗ lợn là có cơ sở vì việc này đã được cha mẹ anh L xác nhận với Tòa án tại biên bản xác minh. Tuy nhiên, việc anh L giao nộp hợp đồng lao động này cho Tòa án để chứng minh thu nhập là không có căn cứ để xem xét tính vào thu nhập hàng tháng của anh L. Bởi lẽ, Ngày 26/3/2020, anh L chấp hành Quyết định thi hành án phạt tù số: 03/2020/QĐ-CA ngày 02/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Lão thi hành hình phạt của bản án số: 11/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định với thời hạn phạt tù là 03 năm kể từ ngày 26/3/2020. Ngày 20/4/2023, Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định nhận được Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 274/GCN cấp cho anh Lê Công L do Trại giam Kim Sơn chuyển đến. Theo đó, anh Lê Công L hết thời hạn chấp hành án phạt tù và trở về địa phương vào ngày 26/3/2023. Tuy nhiên, hợp đồng lao động mà anh L ký với công ty TNHH Xây dựng tổng hợp An Phát là ngày 01/01/2023 là không có căn cứ vì khoản thời gian này anh L còn chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Kim Sơn. Vì vậy, việc anh L chứng minh thu nhập hàng tháng của mình tại công ty với mức lương 15.000.000đ là không có cơ sở, không phù hợp với thực tế nên HĐXX không chấp nhận. HĐXX chỉ chấp nhận thu nhập hàng tháng của anh L từ việc phụ mỗ lợn với ba mẹ là 6.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, ba mẹ anh L và anh L đều xác nhận hiện nay anh L không sống cùng ba mẹ mà thuê nhà ở riêng và nuôi hết 02 con. Như vậy mức thu nhập này là không đảm bảo về mọi mặt cho 02 con.

[2.2.2] Theo nguyện vọng của con tên Lê Nguyễn Huyền Th, sinh ngày 15/5/2016 muốn được ở với ba. Mặt khác gia đình và chị N đã xác nhận rằng cháu Th

nay đã lớn biết tự chăm sóc bản thân, tự đi học và về nhà ông bà Nội vì nhà ông bà sát bên trường cháu học. Cháu Lê Nguyễn L1 chỉ mới hơn 3 tuổi, cần sự quan tâm của người mẹ. Xét nguyện vọng và căn cứ điều kiện về mọi mặt của con, căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh L, HĐXX xét thấy: giao con Lê Nguyễn Huyền Th cho anh Lê Công L chăm sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành, giao con Lê Nguyễn L1, sinh ngày 29/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Xuân N chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2.3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Các bên không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[3] Về án phí HNGĐ: Chị Nguyễn Thị Xuân N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001011 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Chị Nguyễn Thị Xuân N đã nộp đủ.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân N được ly hôn với anh Lê Công L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con tên Lê Nguyễn Huyền Th, sinh ngày 15/5/2016 cho anh Lê Công L nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành;

2.2. Giao con tên Lê Nguyễn L1, sinh ngày 29/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Xuân N nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành.

2.3. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con, nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Trong trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Xuân N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001011 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Chị Nguyễn Thị Xuân N đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Xuân N, anh Lê Công L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Lão;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã An Tân (Bộ phận thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Nghiên

